

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2025/DS-ST
Ngày: 08-4-2025
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Vũ

2. Ông Nguyễn Văn Khoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 380/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54a/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2025/QĐST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim T2, sinh năm: 1981. Địa chỉ: 1, ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Bà T2 ủy quyền cho ông Lê Văn T, sinh năm 1984. Địa chỉ: B ấp B, xã B, TP ., tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Bảo T1, sinh năm: 1987. Địa chỉ: 98/3, ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Cẩm D, sinh năm: 1988. Địa chỉ: 98/3, ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

(Anh T, chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án đại diện nguyên đơn trình bày:

Do anh Nguyễn Bảo T1 có nhu cầu làm ăn, chở lúa gạo và sửa nhà nên ngày 20/12/2019 anh T1 có hỏi vay của chị Lê Thị Kim T2 số tiền 120.000.000 đồng với lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là một năm.

Nhưng sau khi vay, anh T1 không trả lãi được lần nào. Chị T2 đã nhiều lần liên hệ để đòi lại số tiền trên nhưng anh T1 cố tình không trả mà còn lẩn tránh. Anh T1 vay tiền là để làm ăn buôn bán lúa gạo, phục vụ kinh tế gia đình, sửa nhà cửa.

Do anh Nguyễn Bảo T1 không trả tiền như đã cam kết. Nên nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Bảo T1 và vợ là chị Nguyễn Thị Cẩm D liên đới trả số tiền còn nợ là 120.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 20/12/2019 đến khi xét xử với mức 0,83%/tháng.

Theo văn bản trình bày ý kiến chị Nguyễn Thị Cẩm D trình bày:

Tôi có nhận được Thông báo của Tòa án về việc công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải vào ngày 07/11/2024, do nguyên đơn bà Lê Thị Kim T2 khởi kiện yêu cầu tôi và anh Nguyễn Bảo T1 trả số tiền 120.000.000 đồng, tôi không đồng ý với lý do: Tôi và anh Nguyễn Bảo T1, sinh năm 1987, địa chỉ 98/3 ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre đã được Tòa án ra Quyết định ly hôn số: 300/2022/QĐ-CNTTLH ngày 30/9/2022. Trước đây lúc còn sống chung anh Bảo T1 đã không lo được cho gia đình vợ con, một mình tôi đi làm kiếm tiền nuôi con, anh T1 thường hay mượn tiền của chị Lê Thị Kim T2 rất nhiều lần, số tiền anh T1 mượn dùng vào việc cá nhân của mình như: cờ bạc, đá gà, không có đưa tiền cho tôi lo cho gia đình, con cái, nên tôi không hay biết gì về việc anh T1 mượn nợ. Sau đó chị T2 có đến đòi tiền nên tôi mới biết việc anh T1 mượn nợ, chị chồng tôi đã kêu bán đất nền nhà ở để trả nợ và còn nói chị T2 không được cho anh T1 mượn nữa vì cho mượn nữa anh T1 sẽ không có tiền trả nhưng chị T2 vẫn tiếp tục cho anh T1 mượn tổng số tiền là 120.000.000 đồng. Anh T1 đã không có khả năng trả và anh T1 đã bỏ nhà đi hơn 05 năm nay.

Vì số tiền 120.000.000 đồng chị T2 cho anh T1 mượn vào việc cá nhân riêng của anh T1 không có lo cho gia đình nên tôi không biết và hiện nay tôi và anh T1 đã ly hôn không còn liên quan với nhau, một mình tôi đi làm để nuôi con, anh T1 không có cho tiền cấp dưỡng cho con, nên tôi không đồng ý liên đới với anh T1 trả số tiền 120.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

1.2 Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú thụ lý đúng thẩm quyền.

1.3 Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng bị đơn Nguyễn Bảo T1 vắng mặt

không có lý do, đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Do đó, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1 Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Bảo T1 và chị Nguyễn Thị Cẩm D liên đới trả số tiền còn nợ là 120.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 20/12/2019 đến khi xét xử với mức 0,83%/tháng. Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là hợp đồng cho vay tiền ghi ngày 20/12/2019. Chị D thừa nhận anh T1 có thiếu chị T2 số tiền nêu trên nhưng chị không đồng ý liên đới với anh T1 cùng trả.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

2.2 Theo hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 20/12/2019 có nội dung: Bên A Lê Thị Kim T2, sinh ngày 15/10/1981, địa chỉ thường trú 122/2 Xương Thới I, T, T, Bến Tre; Bên B Nguyễn Bảo T1, sinh năm 1987. Địa chỉ 7 X, T, T, Bến Tre. Sau khi thỏa thuận cùng nhau ký kết hợp đồng vay tiền với các điều khoản sau:

1. Ông Nguyễn Bảo T1 có nhờ chị Lê Thị Kim T2 vay mượn dùm cho ông Nguyễn Bảo T1 vay số tiền là 120.000.000 đồng (bằng chữ một trăm hai chục triệu).

2. Mục đích vay tiền là làm ăn, chở lúa gạo, sửa nhà...

4. Thời hạn vay từ ngày 20/12/2019 đến ngày 20/12/2020.

6. Mức lãi suất: 2%/1 tháng.

Cuối trang bên B ký tên ghi họ tên Nguyễn Bảo T1.

2.3 Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do, chị Nguyễn Thị Cẩm D thừa nhận anh T1 có vay chị T2 số tiền 120.000.000 đồng (Bút lục 21) phù hợp với tài liệu, chứng cứ chị T2 đã giao nộp và yêu cầu khởi kiện.

2.4 Đối với yêu cầu nghĩa vụ liên đới của nguyên đơn: Hợp đồng cho vay tiền được lập ngày 20/12/2019 thể hiện anh Nguyễn Bảo T1 vay tiền của chị T2 nhằm mục đích làm ăn, chở lúa gạo, sửa nhà và thời hạn vay là một năm sẽ trả. Trong thời gian này giữa anh T2 và chị D vẫn còn là vợ chồng, chị D cũng đã biết việc anh T1 có mượn số tiền nêu trên của chị T2. Do đó, chị T2 yêu cầu chị D có nghĩa vụ liên đới cùng trả với anh T1 là có căn cứ.

2.5 Đối với yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 20/12/2019 đến ngày xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Theo Hợp đồng cho vay tiền được lập ngày 20/12/2019 có nội dung hai bên thỏa thuận lãi suất 2%. tháng. Tuy nhiên, do có phát sinh tranh chấp về lãi suất, căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn (không vượt quá 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng).

Yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất là 0,83%/tháng là không vượt quá mức lãi suất quy định. Vì vậy, số tiền lãi được xác định như sau:

Từ ngày 20/12/2019 đến khi xét xử ngày 08/4/2025: Số tiền 120.000.000 đồng x 0,83% x 63 tháng 18 ngày = 63.345.600 đồng.

Từ những phân tích trên, cần buộc anh Nguyễn Bảo T1 và chị Nguyễn Thị Cẩm D liên đới có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Kim T2 tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 08/4/2025 là: 183.345.600 đồng là phù hợp.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự có nghĩa vụ chịu theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.
- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim T2 đối với anh Nguyễn Bảo T1 và chị Nguyễn Thị Cẩm D.

Buộc anh Nguyễn Bảo T1 và chị Nguyễn Thị Cẩm D có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị Kim T2 số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 183.345.600 (Một trăm tám mươi ba triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm) đồng.

Kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 9.167.280 (Chín triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi) đồng, anh Nguyễn Bảo T1 và chị Nguyễn Thị Cẩm D có nghĩa vụ liên đới nộp. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho chị Lê Thị Kim T2 số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng theo biên lai số 0003502 ngày 04/10/2024.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Phú.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- CCTHADS huyện Thanh Phú.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Huỳnh Minh Trí